

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ145,000

Tiềm năng tăng/giảm: 9.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/11/2024)	132,900
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	76,675-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	132,925
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	15,202
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	600
Sig CP lưu hành (tr.đv)	114
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Sig CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	11,299	13,389	15,507
EBITDA đc (tỷ đồng)	893	1,050	1,530
LNTT (tỷ đồng)	645	674	838
LNT ĐC (tỷ đồng)	389	407	506
FCF (tỷ đồng)	91.1	(1,305)	(631)
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,558	4,425
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200
BVPS (đồng)	17,404	19,961	23,186
T.trưởng EBITDA (%)	15.4	17.6	45.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.61	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	7.84	9.86
Tỷ suất LNTT (%)	5.71	5.03	5.40
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.57	4.03	4.32
Tỷ lệ LN trả CT (%)	80.0	28.1	27.1
Nợ thuần/VCSH (%)	71.2	130	146
ROAE (%)	28.5	25.2	27.2
ROACE (%)	29.5	25.7	25.0
EV/doanh thu (lần)	1.32	1.24	1.13
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.7	15.8	11.5
P/E ĐC (lần)	39.1	37.4	30.0
P/B (lần)	7.64	6.66	5.73
Lợi suất cổ tức (%)	2.05	0.75	0.90

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 10/2024: LNTT giảm 7%, do tỷ suất lợi nhuận giảm

- Doanh thu tháng 10 tăng 11% so với cùng kỳ đạt 1.250 tỷ đồng trong khi LNTT giảm 7% so với cùng kỳ xuống còn 62 tỷ đồng. HĐKD liên quan đến mảng viễn thông tăng trưởng vững chắc, trong khi HĐKD ngoài mảng viễn thông kém khả quan.
- Trong 10 tháng đầu năm 2024, doanh thu và LNTT đạt 10.395 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và 546 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 78% và 81% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.
- Trong tháng, CTR lắp đặt thêm 212 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS lên 9.024 trạm. Tỷ lệ dùng chung trạm giảm xuống mức 1,03, từ 1,04 trong tháng trước đó. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 9%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 10/2024

CTR công bố KQKD tháng 10 với doanh thu thuần tăng ở mức khá (11% so với cùng kỳ đạt 1.250 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận thuần giảm (LNTT giảm 7% so với cùng kỳ xuống 62 tỷ đồng). Tỷ suất LNTT giảm là do chi phí khấu hao và chi phí tài chính tăng trong khi tỷ suất lợi nhuận mảng kinh doanh ngoài viễn thông giảm.

Trong 10 tháng đầu năm 2024, doanh thu và LNTT hoàn thành lần lượt 78% và 81% dự báo cho cả năm 2024, sát với dự báo của chúng tôi.

HĐKD mảng viễn thông tăng trưởng vững chắc...

Các HĐKD liên quan đến mảng viễn thông tiếp tục tăng trưởng vững chắc trong tháng 10. Chi tiết như sau:

- Doanh thu mảng vận hành mạng lưới tăng mạnh 40% so với cùng kỳ đạt 596 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu 10 tháng đầu năm 2024 của mảng này đạt 5.062 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Chúng tôi dự báo HĐKD của mảng này tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá khi việc thương mại hóa mạng 5G được triển khai, điều này sẽ bù trừ cho phần doanh thu mất đi do đóng mạng 2G.
- Doanh thu mảng cho thuê hạ tầng trong tháng 10 tăng mạnh 52% so với cùng kỳ đạt 59 tỷ đồng. Tính chung 10 tháng đầu năm, doanh thu tăng 44% so với cùng kỳ đạt 507 tỷ đồng, đa phần nhờ đưa vào vận hành các trạm BTS mới. Trong tháng 10, CTR lắp đặt thêm 212 trạm BTS, nâng tổng số trạm BTS lên 9.024 trạm (tăng thêm 2.588 trạm so với cuối năm 2023). Mặc dù có mức tăng trưởng vững chắc, nhưng chúng tôi lưu ý rằng tốc độ lắp đặt trạm các trạm BTS trong tháng 10 có vẻ chậm hơn so với các tháng trước đó. Xu hướng này cho thấy có rủi ro CTR không lắp đặt đủ 4.000 trạm BTS mới trong năm nay theo như dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 10/2024, CTR

LNTT giảm 7% so với cùng kỳ xuống 62 tỷ đồng trong T10/2024 do tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

Tỷ đồng	T10-23	T10-24	So với cùng kỳ	10T23	10T24	So với cùng kỳ	% dự báo 2024 HSC
Doanh thu	1,125	1,250	11.1%	9,326	10,395	11.5%	77.7%
LNTT	66	62	-6.6%	533	546	2.4%	81.2%
Tỷ suất LNTT	5.9%	4.9%		5.7%	5.2%		

Nguồn: CTR, HSC

- Đến cuối tháng 10, CTR có 311 trạm BTS có nhiều hơn một khách thuê. Tỷ lệ dùng chung trạm giảm xuống 1,03 trong tháng 9/2024 từ mức 1,04 trong tháng 8/2024.

... nhưng HĐKD mảng ngoài viễn thông kém tích cực

Trái ngược với đà tăng trưởng tích cực của mảng viễn thông, mảng ngoài viễn thông ghi nhận KQKD kém khả quan trong tháng, do tốc độ phục hồi của nền kinh tế chậm hơn dự kiến. Chi tiết như sau:

- Doanh thu mảng xây dựng trong tháng 10 giảm 5% so với cùng kỳ xuống 430 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu 10 tháng đầu năm của mảng này vẫn tăng 18% so với cùng kỳ lên 3.349 tỷ đồng.
- Doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật giảm 34% so với cùng kỳ xuống 131 tỷ đồng nhưng doanh thu mảng này trong 10 tháng đầu năm tăng 185% so với cùng kỳ.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 9%). Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 3 tháng qua, CTR đang giao dịch với EV/EBITDAđ.c trượt dự phóng 1 năm là 13,6 lần, cao hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 11 lần nhưng theo quan điểm của chúng tôi, cổ phiếu vẫn đang được định giá thấp dựa trên quy mô của các cơ hội liên quan đến mảng viễn thông mới mà CTR đang triển khai.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, CTR

Trong tháng 10/2024, các mảng kinh doanh liên quan đến viễn thông tiếp tục tăng trưởng tốt, trong khi các mảng ngoài viễn thông kém khả quan

Tỷ đồng	T10-23	T10-24	So với cùng kỳ	10T23	10T24	So với cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,125	1,250	11.1%	9,326	10,395	11.5%
Vận hành	426	596	39.9%	4,647	5,062	8.9%
Xây dựng	455	430	-5.5%	2,845	3,349	17.7%
Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật	199	131	-34.1%	1,170	1,387	18.5%
Cho thuê hạ tầng	38	59	52.5%	351	507	44.4%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Lắp đặt trạm BTS, CTR

Trong tháng 10/2024, CTR đã lắp đặt bổ sung 212 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS lên 9.024 trạm, tính đến cuối tháng 10.

	T1/24	T2/24	T3/24	T4/24	T5/24	T6/24	T8/24	T9/24	T10/24
Tổng số lượng trạm BTS	6,436	6,436	6,589	6,989	7,393	7,809	8,447	8,812	9,024
Số lượng trạm BTS mới	-	-	153	400	404	416	226	365	212
Tổng số lượng trạm BTS mới từ đầu năm	-	-	153	553	957	1,373	2,011	2,376	2,588
Số trạm dùng chung	213	218	226	230	240	255	335	335	311
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03	1.04	1.04	1.03

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	9,467	11,299	13,389	15,507	17,809
Lợi nhuận gộp	757	886	1,023	1,259	1,538
Chi phí BH&QL	(189)	(249)	(295)	(342)	(392)
Thu nhập khác	1.10	2.82	0	0	0
Chi phí khác	(1.26)	(4.96)	(5.88)	(6.81)	(7.82)
EBIT	567	635	723	911	1,138
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	570	645	674	838	1,040
Chi phí thuế TNDN	(113)	(129)	(135)	(168)	(208)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.03	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	457	517	539	670	832
Lợi nhuận thuần ĐC	390	389	407	506	628
EBITDA ĐC	774	893	1,050	1,530	2,011
EPS (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
EPS ĐC (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
DPS (đồng)	2,919	2,720	1,000	1,200	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Đầu tư ngắn hạn	1,222	1,000	803	620	712
Phải thu khách hàng	2,472	2,945	3,481	3,954	4,452
Hàng tồn kho	819	783	1,071	1,163	1,247
Các tài sản ngắn hạn khác	84.5	81.1	93.7	101	107
Tổng tài sản ngắn hạn	5,010	5,627	5,539	5,816	6,511
TSCĐ hữu hình	374	285	186	85.3	(18.7)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	563	829	2,220	3,322	3,374
Đầu tư dài hạn	93.6	152	152	152	152
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.6	35.7	42.2	48.9	56.2
Tổng tài sản dài hạn	1,050	1,302	2,601	3,609	3,564
Tổng cộng tài sản	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
Nợ ngắn hạn	1,197	1,191	1,339	1,551	1,425
Phải trả người bán	519	594	723	853	997
Nợ ngắn hạn khác	1,916	1,926	1,896	1,896	1,896
Tổng nợ ngắn hạn	4,140	4,541	4,910	5,375	5,528
Nợ dài hạn	269	383	946	1,397	1,438
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.2	14.7	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	283	398	946	1,397	1,438
Tổng nợ phải trả	4,423	4,938	5,856	6,772	6,966
Vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.05	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
BVPS (đ)	14,312	17,404	19,961	23,186	27,176
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,052	756	2,196	2,971	2,869

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	567	635	723	911	1,138
Khấu hao	(206)	(258)	(328)	(619)	(873)
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Thuế TNDN đã nộp	(108)	(57.7)	(135)	(168)	(208)
Thay đổi vốn lưu động	(538)	(200)	(573)	(311)	(302)
Khác	(7.05)	127	31.0	17.3	(299)
LCT thuần từ HKKD	72.2	575	315	989	1,100
Đầu tư TS dài hạn	(407)	(483)	(1,620)	(1,620)	(820)
Góp vốn & đầu tư	(1,652)	(1,549)	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	539	1,874	(6.59)	(6.68)	(7.26)
LCT thuần từ HĐĐT	(1,520)	(159)	(1,627)	(1,627)	(827)
Cổ tức trả cho CSH	(91.9)	(120)	(114)	(137)	(172)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,285	108	712	663	(85.4)
Khác	0	0	(14.7)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,194	(11.8)	583	525	(257)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	668	414	818	89.3	(22.7)
LCT thuần trong kỳ	(254)	404	(729)	(112)	15.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.12)	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Dòng tiền tự do	(334)	91.1	(1,305)	(631)	280

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.99	7.84	7.64	8.12	8.64
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.17	7.90	7.84	9.86	11.3
Tỷ suất LNT (%)	4.83	4.57	4.03	4.32	4.67
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	20.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.1	19.4	18.5	15.8	14.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	15.4	17.6	45.6	31.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng DPS (%)	192	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	85.6	80.0	28.1	27.1	27.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	31.0	28.5	25.2	27.2	28.9
ROACE (%)	33.4	29.5	25.7	25.0	26.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.89	1.74	1.78	1.77	1.83
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.13	0.91	0.44	1.09	0.97
Số ngày tồn kho	34.3	27.5	31.6	29.8	28.0
Số ngày phải thu	104	103	103	101	99.9
Số ngày phải trả	21.7	20.8	21.3	21.8	22.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	89.0	71.2	130	146	126
Nợ/tài sản (%)	30.9	32.2	37.7	40.9	38.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	14.8	12.5	11.6
Nợ/EBITDA (lần)	2.42	2.50	2.92	2.52	1.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.21	1.24	1.13	1.08	1.18
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.59	1.32	1.24	1.13	0.97
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.4	16.7	15.8	11.5	8.63
P/E (lần)	39.0	39.1	37.4	30.0	24.2
P/E ĐC (lần)	39.0	39.1	37.4	30.0	24.2
P/B (lần)	9.29	7.64	6.66	5.73	4.89
Lợi suất cổ tức (%)	2.20	2.05	0.75	0.90	1.13

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn